

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2021/DS-ST**

Ngày: **26.01.2021**

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng Vang**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Bùi Thanh Trí**

Ông **Phạm Thanh Thanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nhâm Thị Thanh Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Bảo Trân** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2020/TLST - DS ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc “**Tranh chấp hợp đồng tín dụng**” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2020/QĐXX - ST ngày 17.12.2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 07.01.2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ**

Địa chỉ: Số xxx, Ngõ Quyền, phường T, quận H, Thành Phố H.

+Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đình L**

+Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: **Nguyễn Chí K, Huỳnh Cảnh K** –

Văn bản ủy quyền ngày 05.3.2020 (có mặt)

Địa chỉ: xxxC, đường xxx, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ

***Bị đơn: Phạm Thị N**, sinh năm 1984 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Axxx, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 4 năm 2020 và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần trình bày:

+Vào ngày xxx.02.xxx bà Phạm Thị N có ký hợp đồng vay số 91/2019/HĐTD/PVB-CNTDO (hợp đồng tín dụng) để vay số tiền 412.000.000 đồng, lãi suất 12,19%/năm, mục đích vay: mua xe ô tô, thời gian vay 72 tháng. Ngày giải ngân là ngày xxx.02.xxx. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà N thanh toán được 27.011.290 đồng (thanh toán nợ gốc 17.100.000 đồng, nợ lãi 9.911.290 đồng), ngày thanh toán cuối cùng là ngày xxx.11.xxx. Cho đến nay bà N không thanh toán nợ gốc và nợ lãi. bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng đã ký.

+Vào ngày 21.02.xxx bà Phạm Thị N có ký phát hành thẻ kiêm hợp đồng tín dụng thẻ quốc tế PVCOMBANK MASTERCARD số 20190221 10570519/TTD-PVB với hạn mức 20.000.000 đồng, lãi suất là 24%/năm, mục đích vay tiêu dùng. Bà Kiều đã sử dụng tổng số tiền là 16.994.485 đồng, ngày bắt đầu sử dụng là 9.3.2019. Hiện tại khoản vay thẻ tín dụng bà N chưa thanh toán.

Để đảm bảo khoản vay nêu trên bà Kiều đã ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số 91/2019/HĐBĐ/PVB-CNTDO ngày 25.02.2019 cụ thể tài sản thế chấp như sau: Xe ô tô con nhãn hiệu FORD; Số loại: ECOSPORT JK8-5D-XZJG-MT-AMB; Màu sơn: Trắng kim cương; Số chỗ: 05 chỗ; Số khung: RL05ASDNMJRR76739; Số máy: XZJGIR76739; biển số 65A-xxx.xxx.

Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số xx do phòng cảnh sát giao thông thành phố Cần Thơ cấp ngày 21.02.xxx. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày xxxx theo văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh, ngày xxx.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: Buộc bà Phạm Thị N thanh toán hai khoản vay nêu trên tạm tính đến ngày 26.01.2021 cụ thể như sau:

+Đối với khoản vay mua xe: Tiền gốc: 394.900.000 đồng (trong đó gốc quá hạn là: 102.600.000 đồng); tổng lãi 84.311.831 đồng (lãi trong hạn: 63.399.465 đồng, lãi phạt trên gốc quá hạn: 15.845.292 đồng, lãi chậm trả: 5.067.074 đồng)

+Đối với khoản vay tiêu dùng qua thẻ tín dụng: Tiền gốc: 16.994.485 đồng, tiền lãi +phạt phí: 18.218.474 đồng.

Tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số 91/2019/HĐTD/PVB-CNTDO ngày 19.02.2019 và đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVCOMBANK MASTERCARD số 2019022110570519/TTD-PVB, ngày 21.02.2019 cho đến khi bà Phạm Thị N thanh toán xong nợ.

Nếu bà Phạm Thị N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh thì PVcomBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản hợp pháp của bà Phạm Thị N Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Phạm Thị N đối với PVcomBank. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Phạm Thị N vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho PVcomBank.

Bị đơn Phạm Thị N đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như của HĐXX ngày hôm nay là đúng trình tự thủ tục luật định.

+ Về nội dung vụ án: Các yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy.

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng vay tín dụng và đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng tín dụng thẻ quốc tế đã ký kết. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo biên bản xác minh của Công an phường P , quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ và công văn số 534/CAQ-QLHC ngày 07.8.2020 của Công an quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ thì bà Phạm Thị N có đăng ký thường trú tại A105, khu vực T , phường P , quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, hiện tại không còn sinh

sống ở địa phương đã bỏ đi từ xxx cho đến nay, địa phương không quản lý, ngày 08.01.2020 thì cắt hộ khẩu chuyển về địa chỉ ấpxxx, xã H , huyện P , tỉnh . Biên bản xác minh ngày xxx của Công an xã H không đủ cơ sở xác định bà Phạm Thị N có chuyển về địa chỉ ấp 8, xã Hòa An, huyện P , tỉnh H . Do bà Phạm Thị N thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn biết thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án tiến hành các thủ tục thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và tổng đạt, niêm yết thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày xxxx, ngày xxxx; các phiên tòa ngày xxxx, ngày 26.01.2021 theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Phạm Thị N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

[4] Xét yêu cầu về nợ gốc và lãi: Nguyên đơn yêu cầu bà Phạm Thị phải thanh toán số tiền gốc còn nợ theo hai hợp đồng tín dụng là: 411.894.485 đồng và lãi là 102.530.305 đồng tạm tính đến ngày 26.01.2021.

Bị đơn còn phải thanh toán nợ lãi phát sinh theo quy định tại 02 hợp đồng tín dụng từ ngày 27.01.2021 cho đến ngày thanh toán xong nợ .

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết các hợp đồng vay tiền cụ thể như sau: khoản vay theo hợp đồng vay số 91/2019/HĐTD/PVB-CNTDO ngày 25.2.2019 vay số tiền 412.000.000 đồng, đã thanh toán được 27.011.290 đồng (thanh toán nợ gốc 17.100.000 đồng, nợ lãi 9.911.290 đồng), ngày thanh toán cuối cùng là ngày 01.11.2019; khoản vay tiêu dùng theo đơn đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVCOMNANK MASTERCARD số 20190221 10570519/TTD-PVB ngày 21.02.2019 với hạn mức 20.000.000 đồng, bị đơn đã sử dụng 16.994.485 đồng. Việc giao kết các hợp đồng nêu trên giữa các đương sự là tự nguyện và đúng quy định pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Tài sản đảm bảo cho khoản vay của bà Kiều là xe ô tô con nhãn hiệu FORD; số loại: ECOSPORT JK8-5D-XZJG-MT-AMB; Màu sơn: Trắng kim cương; Số chỗ: 05 chỗ; Số khung: RL05ASDNMJRR76739; Số máy: XZJGIR76739; biển số 65A-184.32. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 037782 do phòng cảnh sát giao thông thành phố Cần Thơ cấp ngày 21.02.2019 đứng tên bà Phạm Thị N . Tài sản

được thế chấp tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp tài sản số 91/2019/HĐBĐ/PVB-CNTDO ngày 25.02.2019. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày xxxx.

Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện ký kết là đúng với quy định pháp luật. Trường hợp bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự thực hiện thủ tục xử lý tài sản thế chấp theo đúng quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

[6] Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn phải chịu chi phí đăng tin, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 2.652.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị N phải chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 180, Điều 192, Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117, Điều 299, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam đối với bị đơn bà Phạm Thị N

1. Buộc bà Phạm Thị N phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 26.01.2021 tổng cộng số tiền là **514.424.790** đồng (*năm trăm mười bốn triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi đồng*) trong đó (khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 91/2019/HĐTD/PVB-CNTDO ngày 25.2.2019 nợ gốc: **394.900.000** đồng, nợ lãi: **84.311.831** đồng; khoản vay tiêu dùng theo đơn đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVCOMNANK MASTERCARD số 20190221 10570519/TTD-PVB ngày 21.02.2019 nợ gốc: **16.994.485** đồng, nợ lãi **18.218.474** đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Kiều còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tương ứng trong từng hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay

2. Trường hợp bà Phạm Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thực hiện thủ tục xử lý tài sản thế chấp theo đúng quy định của pháp luật để thu hồi nợ là xe ô tô con nhãn hiệu FORD; số loại: ECOSPORT JK8-5D-XZJG-MT-AMB; Màu sơn: Trắng kim cương; Số chỗ: 05 chỗ; Số khung: RL05ASDNMJRR76739; Số máy: XZJGIR76739; biển số 65A-184.32. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 037782 do phòng cảnh sát giao thông thành phố Cần Thơ cấp ngày 21.02.2019 đứng tên bà Phạm Thị N theo hợp đồng thế chấp tài sản số 91/2019/HĐBĐ/PVB-CNTDO ngày 25.02.2019.

Số tiền thu hồi được từ việc bán/xử lý tài sản thế chấp sẽ được thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, nếu dư Ngân hàng sẽ trả lại cho bên thế chấp, nếu không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Phạm Thị N vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng.

3. Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn phải chịu 2.652.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị N phải chịu 24.576.992 đồng (*Hai mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm chín mươi hai đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ 11.162.000 đồng (*mười một triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số xxxx, ngày xxxxx của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ;
- THA quận Cái Răng;
- VKSND quận Cái Răng;
- Các đương sự;
- Lưu HS

Trần Thị Hồng Vang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Trần Thị Hồng Vang